

UBND TỈNH THANH HÓA
BAN QUẢN LÝ
KHU KINH TẾ NGHĨ SƠN
VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 340 /GPMT-BQLKKTNS&KCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NGHĨ SƠN VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2022/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường các cơ sở tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản số 45/CV-AP ngày 22/11/2022 của Tổng Công ty đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho dự án;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Tổng Công ty đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP, địa chỉ tại: Số 306 đường Bà Triệu, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở: “Khu dịch vụ công cộng Bắc núi Xước – Khu kinh tế Nghi Sơn – Giai đoạn 1” có địa chỉ tại Phường Mai Lâm, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu dịch vụ công cộng Bắc núi Xước – Khu kinh tế Nghi Sơn – Giai đoạn 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Mai Lâm, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800846807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/06/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 21/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 2800846807.

1.5. Loại hình cơ sở: Dịch vụ thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: khoảng 27 ha (nằm trong phần diện tích rộng 120 ha). Trong đó, diện tích Khu nhà ở Tiền Phương 125.335,5 m², khu Tổ hợp nhà ở mới – NRC 135.157,9 m², Khu dịch vụ thương mại 10.000 m².

- Công suất của cơ sở được cấp phép: Cơ sở gồm 3 khu, cụ thể như sau:

+ Tổ hợp nhà ở mới: Khu BT1 (tổng diện tích 2.933,5 m²); Khu BT2 (tổng diện tích 2.490,4 m²); Khu BT3 (tổng diện tích 4.055,9 m²); Chòi nghỉ (diện tích 25 m²); Garage (diện tích 42,2 m²); Khu căn hộ (tổng diện tích 39.473 m²); Khu câu lạc bộ thể thao (diện tích 1.602 m²); Khu siêu thị, nhà hàng (diện tích 1.093 m²); Khu lễ tân (diện tích 200 m²); Các hạng mục công trình phụ trợ (bao gồm công trình giao thông nội bộ; 2 trạm biến áp công suất 560 KVA, cấp nước; hệ thống xử lý nước thải công suất 350 m³/ngày đêm; cổng, tường rào, nhà bảo vệ, nhà để xe; PCCC ...).

+ Khu nhà ở Tiền Phương: Nhà dịch vụ (diện tích 3232 m²); 15 căn hộ - Nhà loại A- 01 tầng (tổng diện tích 675 m²); 88 căn hộ - Nhà loại B- 02 tầng (tổng diện tích 3.234 m²); 200 căn hộ - Nhà loại C- 02 tầng (tổng diện tích 5.150 m²); Các hạng mục công trình phụ trợ (bao gồm công trình giao thông nội bộ; hệ thống cấp điện, cấp nước; hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m³/ngày đêm; cổng, tường rào, bể bơi, nhà bảo vệ, nhà để xe; PCCC, 2 trạm biến áp công suất 1.500 KVA).

+ Khu dịch vụ thương mại: Nhà trung tâm (tổng diện tích 619 m²); nhà ăn và nhà bếp (tổng diện tích 315,6 m²); nhà dịch vụ 1 (tổng diện tích 406,9 m²); nhà dịch vụ 2 (tổng diện tích sàn 406,9 m²); nhà kho, nhà vệ sinh 1 (tổng diện tích 202,3 m²); nhà vệ sinh 2 (tổng diện tích 93,9 m²); nhà vệ sinh 3 (tổng diện tích 106,4 m²); nhà vệ sinh 4 (tổng diện tích 34,58 m²); Nhà thường trực bảo vệ (tổng

diện tích 27,24 m²); các hạng mục công trình phụ trợ khác (gồm sân luyện tập kết hợp sân thể thao, bãi đỗ xe, sân đường nội bộ, cây xanh cảnh quan).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được Cấp phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng Công ty đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(Từ ngày 03 tháng 12 năm 2022 đến ngày 03 tháng 12 năm 2032).

Giấy phép môi trường thành phần: Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 204/GP-UBND ngày 22/06/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tổng Công ty đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP (t/hiện);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- TB, PTB (báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Nghi Sơn;
- UBND phường Mai Lâm;
- Lưu: VT, TNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



(Handwritten signature in blue ink)

Trần Chí Thanh

MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQLKKTNS&KCN
ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu dịch vụ thương mại và khu nhà ở Tiền Phương (bao gồm: Nước đen - đi qua bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước xám - không qua bể tự hoại như nước từ rửa tay chân, tắm giặt, nước thải từ rửa dụng cụ thể biến thức ăn,...), lưu lượng lớn nhất là 154,36 m³/ngày (24 giờ);

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu tổ hợp nhà ở mới NRC (bao gồm: Nước đen - đi qua bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước xám - không qua bể tự hoại như nước từ rửa tay chân, tắm giặt, nước thải từ rửa dụng cụ thể biến thức ăn,...), lưu lượng lớn nhất 247,14 m³/ngày (24 giờ).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Lạch Bạng, phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

+ Vị trí xả nước thải số 1 (đối với nước thải sinh hoạt sau trạm XLNT tập trung công suất thiết kế 180 m³/ngày (24 giờ):

+ Thôn Hải Lâm, phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

+ Tọa độ vị trí xả thải ra mương thoát nước chung khu vực thôn Hải Lâm, phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰), như sau: X= 2140441(m); Y= 577046(m).

- Vị trí xả nước thải số 2 (đối với nước thải sinh hoạt sau trạm XLNT tập trung công suất thiết kế 350 m³/ngày (24 giờ):

+ Khu vực cách cửa xả đập tràn hồ Quế Sơn 50m, đoạn chảy qua thôn Hải Lâm, phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

+ Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰), như sau: X= 2140438 (m); Y= 577047 (m).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 401,5 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Nước thải sau xử lý từ trạm xử lý nước thải tập trung số 01 công suất thiết kế 180 m³/ngày (24 giờ) tự chảy theo đường ống cống ngầm bằng bê tông xả vào mương thoát nước chung thôn Hải Lâm, sau đó chảy ra sông Lạch Bạng thuộc địa bàn phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Dòng thải từ cống ngầm xả vào mương thoát nước chung thôn Hải Lâm theo phương thức xả mặt, ven bờ. Tại điểm xả nước thải có bố trí biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Dòng nước thải số 02: Nước thải sau xử lý từ trạm xử lý nước thải tập trung số 02 công suất thiết kế 350 m³/ngày (24 giờ) tự chảy theo đường ống cống ngầm bằng bê tông xả vào mương thoát nước chung thôn Hải Lâm (cách cửa xả đập tràn hồ Quế Sơn 50m), sau đó chảy ra sông Lạch Bạng thuộc địa bàn phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Dòng thải từ cống ngầm xả vào mương thoát nước chung thôn Hải Lâm theo phương thức xả mặt, ven bờ. Tại điểm xả nước thải có bố trí biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2, điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng(TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200		
5	Sunfua(tính theo H ₂ S)	mg/l	4.8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ nước thải đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu dịch vụ thương mại và khu nhà ở Tiền Phương (bao gồm: Nước đen là nước thải sinh hoạt từ bồn tiêu, bồn cầu... được xử lý sơ bộ bằng 131 bể tự hoại 3 ngăn; nước xám - không qua bể tự hoại như nước từ rửa tay chân, tắm giặt,...; nước thải nhà bếp - đi qua 125 bể tách dầu mỡ như nước thải từ rửa dụng cụ thể biến thức ăn,...) được thu gom bằng đường ống HDPE 300 đặt ngầm về trạm XLNT tập trung công suất thiết kế 180 m³/ngày đêm (24 giờ) để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu tổ hợp nhà ở mới NRC (bao gồm: Nước đen là nước thải sinh hoạt từ bồn tiêu, bồn cầu... được xử lý sơ bộ bằng 212 bể tự hoại 3 ngăn; nước xám - không qua bể tự hoại như nước từ rửa tay chân, tắm giặt,...; nước thải nhà bếp - đi qua 210 bể tách dầu mỡ như nước thải từ rửa dụng cụ thể biến thức ăn,...) được thu gom bằng đường ống HDPE 300 đặt ngầm về trạm XLNT tập trung công suất thiết kế 350 m³/ngày đêm (24 giờ) để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ trạm XLNT tập trung công suất thiết kế 180 m³/ngày đêm (24 giờ) như sau: Nước thải sinh hoạt -> Bể tách mỡ -> Bể điều hòa -> Bể hiếu khí bậc I -> Bể hiếu khí bậc II -> Bể trộn PAC -> Bể lắng lọc lamen -> Hồ ga kiểm tra nước sau xử lý -> Xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: 180 m³/ngày (24 giờ).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch PAC, NaOCl (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

- Tóm tắt quy trình công nghệ trạm XLNT tập trung công suất thiết kế 350 m³/ngày đêm (24 giờ) như sau: Nước thải sinh hoạt -> Bể điều hòa -> Bể thiếu khí -> Bể hiếu khí -> Bể lắng -> Bể chứa nước trung gian -> Bồn lọc cát -> Bồn lọc than hoạt tính -> Bể khử trùng -> Xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: 350 m³/ngày (24 giờ).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cát, than hoạt tính, Dung dịch PAC, NaOCl

(hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành các trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng các thiết bị thay thế.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý, tránh tắc nghẽn làm ảnh hưởng đến việc vận hành của các trạm xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các trạm xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Công trình hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 350 m³/ngày (24 giờ) không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (quy định tại điểm h, khoản 1, điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) do hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 350 m³/ngày (24 giờ) không có thay đổi so với giấy phép môi trường thành phần: Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 204/GP-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 22/06/2018.

2.2. Công trình hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 180 m³/ngày (24 giờ) thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại khoản 5 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

+ Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường cho dự án có hiệu lực.

+ Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 180 m³/ngày (24 giờ).

+ Vị trí lấy mẫu:

* Vị trí lấy mẫu đầu vào: Bể thu gom nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

* Vị trí lấy mẫu đầu ra: Bể chứa nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Tổng công ty đầu tư xây dựng và thương mại Anh Phát - CTCP phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A phụ lục này.

+ Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Ít nhất 3 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Tổng Công ty đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Tổng Công ty đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu của giấy phép ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 340 /GPMT-BQLKKTNS&KCN ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng 1.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng 2.
- Nguồn số 03: Khí thải từ máy phát điện dự phòng 3.
- Nguồn số 04: Khí thải (Mùi) từ khu vực bếp nấu của khu nhà dịch vụ của nhà ở Tiền Phương.
- Nguồn số 05: Khí thải (Mùi) từ khu vực bếp nấu của khu nhà hàng của khu tổ hợp nhà ở mới NRC
- Nguồn số 06: Khí thải (Mùi) từ khu vực bếp nấu của khu nhà dịch vụ của nhà dịch vụ thương mại.
- Nguồn số 07: Khí thải (Mùi) từ hệ thống xử lý nước thải tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 180 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 08: Khí thải (Mùi) từ hệ thống xử lý nước thải tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 350 m³/ngày (24 giờ).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, vĩ tuyến 3°):

- Dòng khí thải, vị trí xả khí thải (dòng khí thải số 01): Tương ứng với ống khói số 01, tọa độ vị trí xả khí thải X=2140428 (m); Y=577017 (m).
- Dòng khí thải, vị trí xả khí thải (dòng khí thải số 02): Tương ứng với ống khói số 02, tọa độ vị trí xả khí thải X=2140152 (m); Y=577141 (m).
- Dòng khí thải, vị trí xả khí thải (dòng khí thải số 03): Tương ứng với ống khói số 03, tọa độ vị trí xả khí thải X=2140413 (m); Y=577021 (m).
- Dòng khí thải, vị trí xả khí thải (dòng khí thải số 04): Tương ứng với ống khói số 04, tọa độ vị trí xả khí thải X=2140317(m); Y=577026 (m).
- Dòng khí thải, vị trí xả khí thải (dòng khí thải số 05): Tương ứng với ống

khối số 05, tọa độ vị trí xả khí thải $X=2140422$ (m); $Y=577031$ (m).

- Dòng khí thải, vị trí xả khí thải (dòng khí thải số 06): Tương ứng với ống khói số 06, tọa độ vị trí xả khí thải $X=2140512$ (m); $Y=577108$ (m).

- Dòng khí thải, vị trí xả khí thải (dòng khí thải số 07): Tương ứng với ống thoát khí số 07, tọa độ vị trí xả khí thải $X=2140416$ (m); $Y=577502$ (m).

- Dòng khí thải, vị trí xả khí thải (dòng khí thải số 08): Tương ứng với ống thoát khí số 08, tọa độ vị trí xả khí thải $X=2140546$ (m); $Y=577201$ (m).

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên dự án tại phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

2.2.1. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $3.036 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $3.036 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $3.036 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $800 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $800 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $800 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 07: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $900 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 08: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $900 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.2. Phương thức xả khí thải:

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 01, 02, 03, 04, 05, 06 được xả ra môi trường qua ống khói, xả gián đoạn (khi sử dụng máy phát điện dự phòng, khi có hoạt động nấu ăn).

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 07, 08 được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 01, 02, 03: Chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; $K_p=1$ và $K_v=0,8$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	-	-
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	850		
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	400		

Ghi chú (-): Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục và quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải (quy định tại khoản 2 điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Dòng khí thải số 04, 05, 06: Chất lượng khí thải sau xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại phụ lục A, ban hành kèm theo Tiêu chuẩn Việt Nam –TCVN 5699-2-31:2014: Yêu cầu cụ thể đối với máy hút mùi và máy hút khói nấu nướng khác.

- Dòng khí thải số 07, 08: Chất lượng khí thải sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu tại phụ lục A, ban hành kèm theo Tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 7222:2002: Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn thải số 01: Khí thải xả ra môi trường qua ống khói số 01 của máy phát điện dự phòng số 01.

- Nguồn thải số 02: Khí thải xả ra môi trường qua ống khói số 02 của máy phát điện dự phòng số 02.

- Nguồn thải số 03: Khí thải xả ra môi trường qua ống khói số 03 của máy phát điện dự phòng số 03.

- Nguồn thải số 04: Khí thải (mùi) xả ra môi trường qua ống khói từ khu vực bếp nấu của khu nhà dịch vụ của nhà ở Tiên Phương.

- Nguồn thải số 05: Khí thải (mùi) xả ra môi trường qua ống khói từ khu vực bếp nấu của khu nhà hàng của khu tổ hợp nhà ở mới NRC

- Nguồn thải số 06: Khí thải (mùi) xả ra môi trường qua ống khói từ khu vực bếp nấu của khu nhà dịch vụ của nhà dịch vụ thương mại.

- Nguồn thải số 07: Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể tách dầu mỡ, bể điều hòa, bể hiếu khí bậc 1, bể hiếu khí bậc 2, bể trộn PAC, bể lắng lọc lamen, bể chứa bùn tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 180 m³/ngày (24 giờ) được thu gom bằng đường ống riêng về hệ thống xử lý khí thải số 01 để xử lý.

- Nguồn thải số 08: Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng lọc lamen, bể khử trùng, bể chứa bùn tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 350 m³/ngày (24 giờ) được thu gom bằng đường ống riêng về hệ thống xử lý khí thải số 02 để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Quy trình công nghệ (xử lý khí thải từ nguồn số 01, 02, 03, 04, 05, 06): Không có.

- Quy trình công nghệ (xử lý khí thải từ nguồn số 07, 08): Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải -> Quạt hút -> Tháp rửa khí -> Xả khí thải qua ống thoát khí.

+ Công suất thiết kế: 900 m³/giờ/1 hệ thống.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, than hoạt tính tấm lưu huỳnh (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom, xử lý, thoát khí thải. Bố trí nhân viên quản lý, vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải, giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các hệ thống xử lý khí thải.

- Có cán bộ vận hành được đào tạo kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành hệ thống, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- Các biện pháp khắc phục sự cố được lưu trữ ở dạng văn bản và được hướng dẫn cho cán bộ phụ trách.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải theo quy định.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại giấy phép môi trường được Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn & các KCN Thanh Hóa cấp.



Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 340 /GPMT-BQLKKTNS&KCN
ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Máy bơm, máy thổi khí từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 180 m³/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 02: Máy bơm, máy thổi khí từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 350 m³/ngày (24 giờ)
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng 1 công suất 1250 KVA tại khu tổ hợp nhà ở mới NRC.
- Nguồn số 04: Máy phát điện dự phòng 1 công suất 1250 KVA tại khu tổ hợp nhà ở mới NRC.
- Nguồn số 05: Máy phát điện dự phòng 1 công suất 1800 KVA tại khu nhà ở Tiên Phương.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ vị trí đại diện (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°): X=2140152 (m); Y=577021 (m).
- Nguồn số 02: Tọa độ vị trí đại diện (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°): X=2140421 (m); Y=577115 (m).
- Nguồn số 03: Tọa độ vị trí đại diện (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°): X=2140422 (m); Y=577031 (m).
- Nguồn số 04: Tọa độ vị trí đại diện (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°): X=2140424 (m); Y=577031 (m).
- Nguồn số 05: Tọa độ vị trí đại diện (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°): X=2140512 (m); Y=577108(m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT -Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Xây dựng kế hoạch vận hành các máy móc, thiết bị hợp lý. Đồng thời kê chân máy bằng đế cao su, lắp đặt chắc chắn chân máy để giảm rung chấn, bảo dưỡng máy móc định kỳ.

- Đối với các máy móc thiết bị trong dự án, được định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện, máy móc. Thay thế các thiết bị cũ để giảm lượng chất thải phát

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 340 /GPMT-BQLKKTNS&KCN
ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Số lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
01	Thuốc diệt trừ các loài gây hại thải	1,5	16 01 05
02	Bóng đèn huỳnh quang	20	16 01 06
03	Các loại dầu mỡ thải	10	16 01 08
04	Mực thải	1	16 01 09
05	Chất tẩy rửa có các thành phần nguy hại	10	16 01 10
06	Pin, ắc quy thải	10	16 01 12
07	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	10	16 01 13
08	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	120	12 01 04
09	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	10	18 01 03
10	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	10	18 01 02
Tổng số lượng		202,5	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	923,688
2	Sinh khối từ hoạt động cắt tỉa cây xanh, thâm cò trong khuôn viên dự án	1,32
Tổng		1512,54

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa*: 10 thùng composit, có nắp đậy, thể tích 200 lít bên ngoài dán nhãn ghi tên thành phần chất thải nguy hại kèm theo mã chất thải nguy hại theo đúng quy định tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

2.1.2. *Khu vực lưu chứa*: 01 kho, diện tích kho: 16 m²/kho; phân loại chất thải nguy hại theo mã để lưu chứa đúng quy định.

+ Thiết kế, cấu tạo kho: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền bê tông chống thấm, có gờ ngăn ngừa sự cố rò rỉ chất lỏng ra môi trường bên ngoài; có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

Kho lưu chứa CTNH của dự án đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại, có lắp đặt hệ thống thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt*:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa*: Thùng composit dung tích 5-10 lít tại các vị trí phát sinh như nhà hàng, biệt thự, nhà liền kề...dọc sân đường bộ bố trí thùng đựng rác thể tích 100 lít.

2.3.2. *Kho lưu chứa*: 02 kho, diện tích 16 m²/kho, thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải sinh hoạt có tường bao quanh; mái che; nền bê tông chống thấm.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Kèm theo Giấy phép môi trường số 340 /GPMT-BQLKKTNS&KCN ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ SẼ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 267/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 29/11/2017 của Trường Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án khu dịch vụ công cộng Bắc núi Xước – Khu kinh tế Nghi Sơn – Giai đoạn 1 xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia (nay là phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa; không còn hạng mục, công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp để vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của dự án.

4. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.